TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P1c

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2021
V/v: Tranh chấp
"Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Thủy – Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Út– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Huề - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 92/2020/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2020 về tranh chấp " *Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/QĐXX-ST ngày 24/02/2021; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 04/SĐST- HNGĐ ngày 22/3/2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim P, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: A, B, Phường P, Q. T. TP Hồ Chí Minh. "Có mặt".

+ Bị đơn: Anh Lê Quang H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. "Vắng mặt lần 2".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay thì nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim P trình bày: Chị với anh Lê Quang H kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn vì anh H hay ghen tuông. Vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quang H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là Lê Quang P1, sinh 24/9/2016. Chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai.

Bị đơn anh Lê Quang H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nH vắng mặt tại các buổi làm việc, vắng mặt tại phiên họp và hòa giải, phiên tòa lần 1 và lần 2 không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án như sau:

+ Thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án cũng như đương sự là nguyên đơn tại phiên tòa đều chấp hành đúng qui định tại: các Điều 70; 71; 72; 191; 195; 196; 205; 208; 209; 210 và Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; các Điều 35; 147 và Điều 171 BLTTDS. Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014; Điều 6; Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Xử cho: Chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn anh Lê Quang H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quang P1, sinh 24/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim P trực tiếp nuôi, anh H không phải cấp dưỡng.

- Tài sản và công nợ: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, yêu cầu kiến nghị của các đương sự và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

1. Quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Kim P có đơn yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Quang H. Đây là vụ kiện tranh chấp " Hôn nhân và gia đình" được qui định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Anh Lê Quang H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo hoãn phiên tòa nH vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Lê Quang H theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[II] Nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Lê Quang H được tự do tìm hiểu và tự nguyện cùng nhau đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã

T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, khác biệt quan điểm sống…

Xét thấy chị P không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa, điều đó chứng tỏ rằng không quan tâm đến nhau nữa. Như vậy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng chị Phượng xin ly hôn là có căn cứ chấp phận phù hợp với khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Chị và anh H có 01 người con chung là Lê Quang P1, sinh 24/9/2016. Nay chị yêu cầu được nuôi con, anh H không có mặt tại tòa án nên không thể hiện nguyện vọng có yêu cầu nuôi con hay không. Hiện nay con đang ở với chị P. Do vậy cần giao cháu Lê Quang P1 cho chị Nguyễn Thị Kim P nuôi là có căn cứ chấp phận phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.3 Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Kim P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim P không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[III] Án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58; 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kim P đối với anh Lê Quang H. Xử cho chị Nguyễn Thị Kim P được ly hôn với anh Lê Quang H.

[2] Về con chung: Giao cháu Lê Quang P1, sinh 24/9/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim P tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Quang H không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

(Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình).

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp đủ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn*

đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0009972 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo nội dung bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh lâm Đồng để xin xét xử P1c thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND tỉnh Lâm Đồng;*
- *VKSND huyện Đạ Tẻh;*
- *Các đương sự;*
- *Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;*
- *Thi hành án;*
- *Lưu.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Tiến Dũng